

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642007 - Cơ lý thuyết

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Trào Văn          | Thắng  | 3645010014 | 14/01/1992 | 3,00        | 4,00        | 3,50      |         |
| 2   | Phạm Anh          | Việt   | 3645010029 | 08/09/1992 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 3   | Nguyễn Văn        | Nghĩa  | 3645010036 | 18/07/1994 | 2,00        | 6,00        | 4,00      |         |
| 4   | Bùi Quang         | Trọng  | 3645010039 | 19/09/1993 | 3,00        | 5,00        | 4,00      |         |
| 5   | Lê Văn            | Vũ     | 3645010052 | 16/04/1994 | 5,00        | ,00         | 2,50      |         |
| 6   | Hà Hoàng          | Phong  | 3645010054 | 10/09/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 7   | Ngô Tấn           | Công   | 3645010055 | 01/07/1994 | 2,00        | 7,00        | 4,50      |         |
| 8   | Tổng Anh          | Hào    | 3645010056 | 16/01/1994 | 3,00        | 2,00        | 2,50      |         |
| 9   | Phan Thanh        | Hà     | 3645010059 | 28/04/1993 | 3,00        | 1,00        | 2,00      |         |
| 10  | Ngô Thanh         | Tùng   | 3645010064 | 01/07/1985 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 11  | Trần Nhật         | Linh   | 3645010065 | 09/03/1994 | 3,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 12  | Nguyễn Hữu        | Quyền  | 3645010068 | 18/04/1993 | 2,00        | 1,00        | 1,50      |         |
| 13  | Trần Trung        | Đức    | 3645010069 | 02/10/1986 | 5,00        | 8,00        | 6,50      |         |
| 14  | Vương Hữu         | Quang  | 3645010079 | 12/11/1994 | 5,00        | ,00         | 2,50      |         |
| 15  | Trần Dương        | Sang   | 3645010084 | 06/09/1994 | 4,00        | 4,00        | 4,00      |         |
| 16  | Nguyễn Xuân       | Thanh  | 3645010086 | 19/01/1994 | 3,00        | 8,00        | 5,50      |         |
| 17  | Âu Dương          | Khương | 3645010087 | 24/03/1990 | 3,00        | 1,00        | 2,00      |         |
| 18  | Phạm Nguyễn Hoàng | Phúc   | 3645010089 | 02/11/1993 | 4,00        | ,00         | 2,00      |         |
| 19  | Đinh Quốc         | Cường  | 3645010099 | 09/09/1992 | 2,00        | 3,00        | 2,50      |         |
| 20  | Phạm Hùng         | Mạnh   | 3645010103 | 29/11/1989 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 21  | Võ Nguyễn Thành   | Đô     | 3645010106 | 08/10/1994 | 1,00        | ,00         | ,50       |         |
| 22  | Nguyễn Văn        | Viên   | 3645010120 | 20/11/1992 | 3,00        | 4,00        | 3,50      |         |
| 23  | Huỳnh Quốc        | Thắng  | 3645010125 | 20/12/1994 | 1,00        | 7,00        | 4,00      |         |
| 24  | Nguyễn Văn        | Mừng   | 3645010131 | 02/05/1994 | 5,00        | 8,00        | 6,50      |         |
| 25  | Đinh              | Hùng   | 3645010137 | 12/11/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 26  | Trần Quan         | Phong  | 3645010140 | 27/09/1994 | 2,00        | ,00         | 1,00      |         |
| 27  | Võ Hà             | Nhi    | 3645010142 | 17/09/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 28  | Nguyễn Cao Nhật   | Anh    | 3645010145 | 03/01/1994 | 2,00        | ,00         | 1,00      |         |
| 29  | Đào Ngọc          | Chinh  | 3645010149 | 10/05/1994 | 5,00        | 9,00        | 7,00      |         |
| 30  | Nguyễn Đình       | Trường | 3645010152 | 22/04/1993 | 3,00        | 6,00        | 4,50      |         |
| 31  | Trương Hùng       | Kiệt   | 3645010155 | 28/06/1994 | 1,00        | ,00         | ,50       | CT      |
| 32  | Đỗ Tấn            | Hợp    | 3645010162 | 17/07/1994 | 2,00        | ,00         | 1,00      |         |
| 33  | Dương Thành       | Nhân   | 3645010472 | 03/09/1994 | 3,00        | 9,00        | 6,00      |         |

Học phần : 0642007 - Cơ lý thuyết  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên | MSSV | Ngày sinh | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------|------|-----------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |           |      |           | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |

Tổng số : **SV**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2013*

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)